ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 23 tháng 01 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Cơ sở pháp lý

Luật Giáo dục năm 2019; Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;

Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo; Kế hoạch số 2463/KH-BGDĐT ngày 31/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2 (2026 – 2030);

2. Tình hình mạng lưới trường lớp, học sinh, trình độ đào tạo của đội ngũ

2.1. Quy mô trường lớp, học sinh

Toàn tỉnh hiện có 647 cơ sở giáo dục, trong đó 639 cơ sở công lập và 08 cơ sở ngoài công lập (thuộc cấp mầm non), cụ thể: mầm non 223 cơ sở; tiểu học 154 cơ sở; tiểu học và trung học cơ sở 213 cơ sở; trung học phổ thông, trung học cơ sở và trung học phổ thông 37 cơ sở; trung tâm giáo dục thường xuyên 11 cơ sở; Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Lạng Sơn 01 cơ sở.

Toàn tỉnh có 595 điểm trường, gồm: 316 điểm trường mầm non, 211 điểm trường tiểu học, 68 điểm trường tiểu học và trung học cơ sở.

Số trường đạt chuẩn quốc gia là 319 trường, trong đó: mầm non 112 trường; tiểu học 93 trường; trung học cơ sở 101 trường; trung học phổ thông 13 trường.

Tổng số trẻ em, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh là 204.877 người.

2.2. Trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở toàn tỉnh là 14.976 người. Theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên (tính đến tháng 01/2026) đạt 99,95%, trong đó: giáo viên mầm non đạt 99,97%; giáo viên tiểu học đạt 99,95%; giáo viên trung học cơ sở đạt 99,94%.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP. Đạt các chỉ tiêu đào tạo nâng chuẩn cho cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP, Kế hoạch số 2463/KH-BGDĐT, bảo đảm chất lượng đào tạo để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Số lượng giáo viên tham gia nâng trình độ chuẩn được đào tạo là: **28** người, trong đó:

- Cấp mầm non: 0 người.

- Cấp tiểu học: đào tạo trình độ đại học **16** người *(Giáo dục Tiểu học: 12 người; Giáo dục thể chất: 02 người; Sư phạm Âm nhạc: 01 người; Sư phạm Tin học: 01 người)*, trong đó: 06 giáo viên liên thông trình độ trung cấp lên trình độ đại học, 10 giáo viên liên thông trình độ cao đẳng lên trình độ đại học.

- Cấp trung học cơ sở: đào tạo trình độ đại học **12** người *(Sư phạm Toán: 03 người; Sư phạm Ngữ văn: 03 người; Sư phạm tiếng Anh: 01 người; Sư phạm Mỹ thuật: 02; Sư phạm Tin học: 01 người; Giáo dục thể chất: 01 người; Sư phạm Địa lý:01 người)*, trong đó: 01 giáo viên liên thông trình độ trung cấp lên trình độ đại học, 10 giáo viên liên thông trình độ cao đẳng lên trình độ đại học.

(Chi tiết danh sách dự kiến tham gia đào tạo tại Phụ lục kèm theo).

2. Đối tượng cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn[1]

- Cán bộ quản lý, giáo viên mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- Cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 08 năm công tác (96 tháng) đối với giáo viên có trình độ trung cấp, còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đối với giáo viên có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- Cán bộ quản lý, giáo viên trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

---

[1] Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc, cách thức chọn cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo để nâng trình độ chuẩn; quyền và trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo

3.1. Nguyên tắc, cách thức chọn cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo để nâng trình độ chuẩn

- Việc chọn cử cán bộ quản lý, giáo viên đi đào tạo cần bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục; không để xảy ra tình trạng thiếu cán bộ quản lý hoặc giáo viên giảng dạy; bảo đảm khách quan, công khai, công bằng và hiệu quả.

- Việc xác định đối tượng cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo phải bảo đảm đúng độ tuổi, trình độ đào tạo của cán bộ quản lý, giáo viên. Ưu tiên bố trí cán bộ quản lý, giáo viên còn đủ tối thiểu năm công tác tính đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP tham gia đào tạo trước. Trường hợp cán bộ quản lý, giáo viên không đủ năm công tác, không thuộc đối tượng thực hiện nâng chuẩn được đào tạo thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT.

3.2. Quyền và trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn[2]

- Được cơ quan quản lý sử dụng tạo điều kiện về thời gian; được hỗ trợ tiền đóng học phí (áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật đối với sinh viên sư phạm).

- Được tính thời gian đào tạo vào thời gian công tác liên tục.

- Cán bộ quản lý, giáo viên được cử đi đào tạo thực hiện các quy định về đào tạo quy chế và quy định về thời gian đào tạo; chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia các hoạt động đào tạo.

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

- Trong suốt thời gian khóa học, cán bộ quản lý, giáo viên vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ công tác theo quy định khi không phải tham gia các hoạt động đào tạo.

- Trường hợp cán bộ quản lý, giáo viên không hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định dẫn đến phải kéo dài thời gian đào tạo thì phải tự túc các khoản chi phí đào tạo phát sinh trong thời gian đào tạo kéo dài.

4. Phương thức, hình thức, thời gian đào tạo

4.1. Phương thức đào tạo

- Tùy tình hình thực tiễn, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đặt hàng với các trường đại học có uy tín, đảm bảo chất lượng đào tạo, tổ chức liên kết đào tạo trình độ trung cấp hoặc cao đẳng lên đại học. Trường hợp không thể mở lớp đào tạo tại tỉnh, sẽ gửi giáo viên tham gia đào tạo tại các cơ sở giáo

[2]Theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

dục đại học hoặc giáo viên chủ động đăng ký dự tuyển tại các cơ sở đào tạo để nâng chuẩn theo quy định.

- Địa điểm đặt lớp: Trường Cao đẳng Lạng Sơn, các Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, Trường Trung cấp Cộng đồng Hà Nội - Phân hiệu Lạng Sơn *(đối với các lớp mở được tại tỉnh)*.

4.2. Hình thức, thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học.

- Thời gian đào tạo:

+ Trình độ trung cấp lên đại học: từ 2,5 năm đến 03 năm.

+ Trình độ cao đẳng lên đại học: từ 1,5 năm đến 02 năm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2026:

- Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên (*công lập, dân lập, tư thục*) do ngân sách bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục bảo đảm kinh phí để chi trả lương và các chế độ, phụ cấp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP cho cán bộ quản lý, giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn.

- Việc thanh toán kinh phí đào tạo nâng trình độ chuẩn của cán bộ quản lý, giáo viên cho các cơ sở đào tạo đặt hàng theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tuyên truyền, phổ biến đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về Luật Giáo dục 2019, Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP và Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên năm 2026.

- Căn cứ chỉ tiêu, số lượng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đăng ký tham gia đào tạo; căn cứ chính sách trong tuyển sinh, đào tạo cũng như việc đảm bảo chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục, tham mưu UBND tỉnh lựa chọn các cơ sở giáo dục đào tạo để phối hợp liên kết đào tạo nâng trình độ chuẩn cho cán bộ quản lý, giáo viên theo từng chuyên ngành; lựa chọn địa điểm phù hợp để đặt các lớp liên kết đào tạo.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch. Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các xã, phường, các cơ quan liên quan bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy và bố trí chương trình, thời khóa biểu phù hợp để giáo viên vừa làm vừa học; thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên được cử đi học; thực hiện thu hồi tiền đền bù chi phí đào tạo (nếu có) theo các quy định tại Điều 11 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan quản lý, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; trước ngày 15/12/2026, tổng hợp, đánh giá kết quả, tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2026 báo cáo UBND tỉnh và xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo cho năm tiếp theo.

2. Sở Nội vụ: phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở ngành liên quan quản lý, kiểm tra, giám sát, tổ chức đánh giá công tác đào tạo cán bộ quản lý, giáo viên bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Sở Tài chính: căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. UBND các xã, phường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tại địa phương tổ chức tuyên truyền việc thực hiện Luật Giáo dục năm 2019, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP và Kế hoạch này.

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về lương, phụ cấp và các chính sách hiện hành cho giáo viên kịp thời, đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, đánh giá kết quả, tình hình thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, TC, NV;
- UBND các xã, phường;
- C,PVP UBND tỉnh, các Phòng: KG-VX, TH, TT TT;
- Lưu: VT, KG-VX (NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Trần Thanh Nhàn